

Bản án số: 239/2023/HS-ST
Ngày 30 -11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Tâm;

Ông Lê Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 220/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1978 tại tỉnh Bình Dương; đăng ký thường trú: Khu phố X3, phường PT, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh N (đã chết) và bà Hồ Thị B (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát từ ngày 03/7/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V; địa chỉ: Tầng X1 Tòa nhà TĐ, số 72, phố THĐ, phường THĐ, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh M, chức vụ: Trưởng phòng An Ninh điều tra nội bộ Công ty V, địa chỉ: số X10, phường X8, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bưu điện BC; địa chỉ: Khu phố X2, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991, chức vụ: Trưởng Bưu Cục KCN MP I; địa chỉ: Khu phố B, phường CPH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thanh T, sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú: Ấp X2, xã TV, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp TL, xã АД, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hồng A và bà Lê Thanh T là bạn bè quen biết do làm chung Công ty TNHH H ở KCN MP III, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vào đầu tháng 5/2014, bà T cần tiền để sửa nhà ở nên có nhu cầu vay vốn ngân hàng với số tiền là 25.000.000 đồng nhưng do không hiểu biết về thủ tục vay vốn nên bà T đã nhờ An giúp đỡ, do A đã từng vay vốn tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V (V). Thời gian này, do A đang nợ nần và không có tiền tiêu xài nên khi nghe bà T nhờ thì nảy sinh ý định sử dụng thông tin cá nhân của bà T để vay tiền của Ngân hàng V rồi chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, A nói bà T đưa bản gốc Giấy chứng minh nhân, Sổ hộ khẩu và Hợp đồng lao động của bà T với Công ty H cho A để A làm thủ tục vay tiền mà không cần bà T phải ra mặt, khi nào giải ngân thì A sẽ nói bà T biết để đi nhận tiền.

Sau khi có giấy tờ của bà T, A đã gọi điện thoại cho Trần Văn T2, (sinh năm 1988, nơi thường trú: Xóm X4, xã NT, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An) là nhân viên tiếp nhận hồ sơ vay vốn của Ngân hàng V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi thủ tục vay vốn thì T2 hẹn gặp A tại một quán cà phê thuộc khu vực thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tại đây, A nói với T2 là A làm thủ tục vay tiền cho bạn là Lê Thanh T, mọi vấn đề liên quan đến việc vay tiền thì T2 liên hệ trực tiếp với A, không cần liên lạc với T, thì T2 đồng ý. Qua thẩm định điều kiện vay, hồ sơ của bà T đủ điều kiện vay với số tiền vay là 25.000.000 đồng, T2 soạn bản hợp đồng đề nghị vay vốn đưa cho A để đưa cho bà T ký tên. Tuy nhiên, sau đó A không đưa bản hợp đồng cho bà T ký tên mà A tự ký giả tên của bà T rồi đưa lại cho T2. Đến ngày 16/5/2014, sau khi hồ sơ vay vốn của bà T đã hoàn tất và ngân hàng đã đồng ý giải ngân, T2 gọi điện thoại thông báo cho A để A nói bà T đến Bưu cục KCN MP I thuộc Bưu điện BC có địa chỉ tại khu phố X4, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nhận tiền. Cùng ngày, A tự mình đến Bưu cục KCN MP I gặp chị Nguyễn Thị Y (sinh năm: 1982, HKTT: Khu phố 3A, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) là nhân viên của Bưu cục trình chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của bà T và ký giả tên của bà T, chị Y không nhận dạng kỹ hình của bà T trong giấy chứng minh nhân dân và hình dạng của A, nghĩ A là bà T nên giao số tiền 25.000.000 đồng cho A. (số tiền này Ngân hàng V liên kết với Bưu cục để Bưu cục chi cho khách hàng). Tiền có được, A đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 21/5/2014, A trả Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu lại cho bà T và nói Ngân hàng V đang xem xét hồ sơ, khi nào giải ngân thì A sẽ thông

báo. Sau đó, bà T không liên lạc được với A nên đến trụ sở của Ngân hàng V hỏi thì được biết Ngân hàng đã giải ngân và đã giao tiền. Lúc này, T2 biết A lừa đảo chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng của ngân hàng, T2 gọi điện thoại yêu cầu A chuyển khoản cho T2 số tiền là 10.000.000 đồng để T2 giúp A giải quyết việc chiếm đoạt tiền. Do lo sợ nên A đồng ý và nhờ chị ruột là Nguyễn Kim S (sinh năm 1952, nơi thường trú: khu X3, phường PT, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương chuyển khoản trước cho T2 số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 03/6/2014.

Ngày 28/5/2014, bà Lê Thanh T làm đơn tố giác hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Hồng A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát.

Theo Kết luận giám định số 1305/GĐ-PC54 ngày 28/11/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: chữ ký và chữ viết họ tên “Lê Thanh T” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết của Lê Thanh T trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1 và M2) không phải cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 25/6/2014, Nguyễn Thị Hồng A đã tự nguyện giao nộp số tiền 26.500.000 đồng (có 1.500.000 đồng phí phạt). Ngày 10/7/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát giao trả số tiền 26.500.000 đồng cho ông Nguyễn Minh M là đại diện Ngân hàng V. Sau đó, ngân hàng đã trả lại tiền cho Bưu cục KCN MP I.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Hồng A bỏ trốn. Ngày 16/10/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Thị Hồng A. Ngày 03/7/2023, A bị bắt truy nã.

Đối với hành vi vi phạm pháp luật của Trần Văn T2 đã bị Toà án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án số 66/HSST ngày 03/4/2015. Đến nay, Trần Văn T2 đã chấp hành xong bản án.

Bản Cáo trạng số 242/CT-VKSBC ngày 27/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng A về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trình bày luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại Bản Cáo trạng số 242/CT-VKSBC ngày 27/10/2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng A về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo A từ 14 tháng đến 16 tháng tù. Về biện pháp tư pháp: Đã giải quyết xong.

Bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra bị hại và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo A và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị cáo không bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Hồng A: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Hồng A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 16/5/2014, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo A dùng thủ đoạn gian dối nhân viên Bưu điện, tự nhận mình là Lê Thanh T, giả chữ ký, chữ viết Lê Thanh T để nhận số tiền vay được ngân hàng giải ngân là 25.000.000 đồng.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin tưởng giao tài sản, sau đó chiếm đoạt do bị cáo A thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản Cáo trạng số 242/CT-VKSBC ngày 27/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm

phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không chấp hành lệnh, bỏ địa phương đi không trình báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát phải ra quyết định truy nã đến 03/7/2023 bị bắt. Do đó, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 136, Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng A phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng A 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;;
- Công an thị xã Bến cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga

